

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG (BỔ SUNG)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD ngày 26/02/2025 của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (ngày 07/5/2025) của Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC và Biên bản đánh giá ngày 14/5/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: 01/2021. Đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2012; đăng ký lần thứ 7 ngày 06 tháng 10 năm 2021. Cơ quan cấp: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Số 261 Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại: 0914.889.917 Fax: 0257.3811786

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Địa chất công trình và Vật liệu xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 261 Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm (bổ sung) chi tiết theo Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 44.006.

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD ngày 26/02/2025 của Sở Xây dựng và có hiệu lực đến ngày 26/02/2030./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD và các PGD Sở XD;
- Lưu: VT, P6_NVV.

GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Túc

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM (BỔ SUNG)
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	THÍ NGHIỆM HỖN HỢP CHO BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
-	Xác định độ co bê tông.	TCVN 3117:2022
2	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
-	Xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa (độ dính bám của bê tông nhựa).	TCVN 7504:2005; AASHTO T195
-	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô.	TCVN 11807:2017; AASHTO T326
3	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG ĐẶC	
-	Lấy mẫu.	TCVN 7494:2005
4	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG POLYME	
-	Xác định độ đàn hồi.	TCVN 11194:2017
-	Xác định độ ổn định lưu trữ.	TCVN 11195:2017
5	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
-	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh.	TCVN 10271:2014
-	Lấy mẫu hỗn hợp bê tông nhựa.	TCVN 13567-1:2022; AASHTO T168
-	Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát.	TCVN 8729:2012; AASHTO T191
6	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), ĐÁ GÓC	
-	Thành phần hạt.	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27, T37
-	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84
-	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn.	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85
-	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng.	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19
-	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112
-	Xác định tạp chất hữu cơ.	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21
-	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles).	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96:02
-	Xác định đương lượng cát.	TCVN 14134-5:2024; AASHTO T176

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM (BỔ SUNG)
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
7	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU DÙNG TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ	
-	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 μ m bằng phương pháp rửa.	TCVN 14135-4:2024; AASHTO T11
8	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
-	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng).	TCVN 4195:2012; AASHTO T100
-	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm.	TCVN 4196:2012; AASHTO T265
-	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy.	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318
-	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất.	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
-	Xác định thành phần cỡ hạt cốt liệu mịn - thô, thành phần hạt của đất.	TCVN 4198:2014; AASHTO T27, T88
-	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4201:2012; AASHTO T99, T180;
-	Thí nghiệm sức chịu tải của đất – Tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm.	TCVN 12792:2020; AASHTO T193
-	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông.	TCVN 9438:2012; ASTM D2166
-	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8723:2012; ASTM D2434
